

Bản án số: 36/2022/HS-PT
Ngày 15-3-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tài.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Huỳnh Đức.

Ông Cao Huy Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10 và 15 tháng 3 năm 2022, tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 19/2022/TLPT-HS ngày 10 tháng 01 năm 2022 đối với bị cáo Cao Thị L và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo Cao Thị L, Cao Thị L và Trương Minh Kh đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 332/2021/HS-ST ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Cao Thị L, sinh năm 1993 tại tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú: thôn 4, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Văn C (đã chết) và bà Hồ Thị B; có chồng là ông Bùi Ngọc H và 02 con; tiền án: không, tiền sự: không; nhân thân: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/12/2020 đến ngày 03/01/2021 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Cao Thị L, sinh năm 1984 tại tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú: thôn B, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Văn H và bà Nguyễn Thị H; có chồng là ông Phạm Nguyễn H và 01 con; tiền án: không, tiền sự: không.

Nhân thân: ngày 07/12/2006, Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 119/2006/HS-ST.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/12/2020 đến ngày 03/01/2021 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

3. Trương Minh Kh, sinh năm 1989 tại tỉnh Sóc Trăng; nơi cư trú: ấp T, xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: thợ hồ; trình độ văn hóa (học vấn): không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Hữu T và bà Võ Thị Mổ; có vợ là bà Lý Thị C và 02 con; tiền án: không, tiền sự: không; nhân thân: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/12/2020 đến ngày 03/01/2021 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

Ngoài ra vụ án còn có 01 bị cáo, 03 bị hại và 02 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo và không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 08 giờ 30 phút ngày 06/9/2020, Cao Thị L đến chợ Q thuộc khu phố B, phường K, thị xã T, tỉnh Bình Dương, lúc này L nhìn thấy túi áo khoác bên phải bà Phan Thị K có chứa đồ, L tiếp cận dùng kéo mang theo cắt túi áo khoác của bà K lấy 01 ví da (trong ví da có 14.000.000 đồng), khi kéo ví da ra ngoài thì bị bà Kiều phát hiện truy hô, L tẩu thoát thì bị anh Nguyễn Văn T, Nguyễn Doãn L đang bán hàng truy đuổi bắt giữ và trình báo Công an phường K, thị xã T đến lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Khoảng 06 giờ ngày 25/12/2020, Cao Thị L điện thoại cho Lê Tôn V và Cao Thị L hẹn đến 15 giờ cùng ngày gặp nhau tại cây xăng số 04 thuộc phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương để “đi làm” (đi trộm cắp tài sản). Tiếp đó, L điện thoại cho Trương Minh Kh hẹn gặp tại cầu vượt Sóng T, thành phố D để đi trộm cắp tài sản. Đến 15 giờ cùng ngày L, L đi xe ôm đến cây xăng số 04 gặp V điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Air Blade biển số 48B1-267.90 đang đợi. Sau đó, L và L ngồi lên xe mô tô để V chở đến gặp Kh. Khi gặp Kh, L lên xe mô tô nhãn hiệu Surius biển số 48D1-158.97 của Kh để Kh chở, còn V chở L. Sau đó, tất cả di chuyển đến khu Công nghiệp S, khi đi đến đường số 06 trước Công ty Synthomerr gặp nhóm công nhân đang đứng mua rau thì V và Kh dừng xe L và L đi bộ vào bên trong tiếp cận nhóm công nhân còn Kh, V đứng đợi bên ngoài. Khi tiếp cận được nhóm công nhân, L nhìn thấy trong túi áo khoác bên phải của chị Lê Thị D có chứa đồ nên đã dùng dao lam mang theo rạch túi áo khoác của chị D lấy 01 điện thoại Samsung A10 màu xanh dương, còn L đứng bên cạnh che chắn tầm nhìn của những người xung quanh. Khi lấy được điện thoại, L bỏ vào bịch ni lông màu đen đưa cho V treo lên xe mô tô của V. Sau đó, L tiếp tục

quay lại cùng L đến tiếp cận nhóm công nhân khác đang mua rau trước công ty Hasona cách nhóm công nhân ban đầu 100m. L nhìn thấy trong túi áo khoác bên phải của chị Đinh Thị Lệ Th chứa đồ, sau đó được L đưa 01 con dao lam, L rách túi áo khoác của chị Th lấy 01 điện thoại nhãn hiệu Vivo Y30 màu đen bỏ vào bịch ny lông màu đen và cùng L cầm mang ra đưa cho V treo lên xe. Sau đó cả nhóm di chuyển về đường số 02, khu công nghiệp S, thành phố D, tỉnh Bình Dương thì bị lực lượng tuần tra Công an đồn khu công nghiệp S kiểm tra và phát hiện móc treo trên xe của V có 02 chiếc điện thoại nhưng không chứng minh được chủ sở hữu nên mời về trụ sở làm việc, tại đây L, L, V và Kh đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình.

Vật chứng Công an thị xã T thu giữ gồm: 01 chứng minh nhân dân tên Cao Thị L, số tiền 14.000.000 đồng, 01 áo khoác màu cam sọc trắng bị rách túi bên phải, 01 ví da màu đen không có nhãn hiệu.

Vật chứng Công an thành phố D thu giữ gồm:

01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A10 màu xanh dương gắn sim số 089175834; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y30 màu đen, sau lưng màu xanh đen; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade, màu đỏ đen trắng, biển số 48B1-26790, số máy JF46E4145326, số khung: 4600DY280978; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển số: 48D1-15897, số máy: 1FC3081719, số khung: FC30EY081; 01 áo khoác màu hồng, trên ngực có in chữ Louis Vuitton LV, túi áo bên trái bị rách 12cm; 01 áo khoác có chữ The North Face màu xanh, đen, túi áo bên phải bị rách 10cm; 02 dao lam hiệu Bic;

01 điện thoại hiệu Nokia, màu xanh gắn sim số 033.7999.239 của Lê Tôn V; 01 điện thoại hiệu Samsung A8S, màu hồng vàng, số seri R28M226N1XF, gắn sim số 0326.184.762 của Cao Thị L; 01 điện thoại Nokia 1280, màu đen gắn sim số 096.3301.045 của Trương Minh Kh; 01 điện thoại hiệu Nokia 105, màu xanh, gắn sim số 0971.957.318 của Cao Thị L; 01 điện thoại Iphone XS Max, màu hồng gắn sim số 0967.713.749 số seri F2Z13DMKPH6 của Lê Tôn V.

Kết luận định giá tài sản số 165/BB.ĐG ngày 03/01/2021 của Hội đồng định giá thành phố D, tỉnh Bình Dương kết luận: 01 điện thoại nhãn hiệu Vivo Y30 màu đen trị giá 3.100.000 đồng; 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung A10 màu xanh dương trị giá 2.000.000 đồng. Tổng giá trị chiếm đoạt 5.100.000 đồng.

Kết luận định giá tài sản số 35/BB.ĐG ngày 12/3/2021 của Hội đồng định giá thị xã T, tỉnh Bình Dương kết luận: 01 ví da màu đen không nhãn hiệu tại thời điểm bị chiếm đoạt trị giá 30.000 đồng; tiền trong ví da 14.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản L chiếm đoạt 14.030.000 đồng.

Kết luận định giá tài sản số 48/BB.ĐG ngày 01/4/2021 của Hội đồng định giá thành phố D, tỉnh Bình Dương kết luận: xe mô tô nhãn hiệu Aiblade, màu đỏ đen trắng, biển số: 48B1-26790, số máy: JF46E4145326, số khung: 4600DY280978 có trị giá 14.000.000 đồng; xe mô tô nhãn hiệu Sirius biển số: 48D1-15897, số máy: 1FC3081719, số khung: FC30EY081 có trị giá 9.000.000 đồng.

Vật chứng đã xử lý: quá trình điều tra Công an thị xã T, Công an thành phố Dĩ An đã trả cho:

Phan Thị K số tiền 14.000.000 đồng và 01 ví da màu đen.

Lê Thị D 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A10 màu xanh dương gắn sim số 089175834

Đinh Thị Lê Th 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y30 màu đen sau lưng màu xanh đen gắn sim số 036.280.6886

Bị cáo Lê Tôn V điện thoại Iphone XS Max, màu hồng, F2Z13DMKPH6 gắn sim số 0967713749 do không sử dụng vào việc phạm tội.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 332/2021/HS-ST ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Tuyên bố các bị cáo Cao Thị L, Cao Thị L, Trương Minh Kh, Lê Tôn V phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1.1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự; điểm c khoản 2 Điều của 290 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Xử phạt bị cáo Cao Thị L 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt thi hành án, bị cáo được tính trừ thời gian tạm giữ ngày 06/9/2020 và từ ngày 25/12/2020 đến ngày 03/01/2021.

1.2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự; điểm c khoản 2 Điều 290 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Xử phạt bị cáo Cao Thị L 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt thi hành án, bị cáo được tính trừ thời gian tạm giữ từ ngày 25/12/2020 đến ngày 03/01/2021.

1.3. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự; điểm c khoản 2 Điều 290 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Xử phạt bị cáo Trương Minh Kh 10 (mười) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt thi hành án, bị cáo được tính trừ thời gian tạm giữ từ ngày 25/12/2020 đến ngày 03/01/2021.

1.4. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; các Điều 58 và 65 của Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm c khoản 2 Điều 290 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Tôn V 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm

Giao bị cáo Lê Tôn V cho Ủy ban nhân dân Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp

bị cáo V thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 22 tháng 11 năm 2021, các bị cáo Cao Thị Lại, Cao Thị Ly và Trương Minh Kh kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt (xin hưởng án treo).

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương: Kháng cáo của các bị cáo là trong thời hạn luật định, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm là đúng thẩm quyền, đúng quy định của pháp luật. Về nội dung, các bị cáo có tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” nhưng Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” cho các bị cáo là không đúng. Các bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp tình tiết giảm nhẹ mới nên mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt đối với các bị cáo là phù hợp. Do đó, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và đề nghị áp dụng tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo; không áp dụng tình tiết giảm nhẹ “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho các bị cáo như Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng.

Đối với bị cáo Lê Tôn V, tuy không kháng cáo nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội hai lần trở lên” đối với bị cáo là chưa đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, do bị cáo V có hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn (vợ chết vì dịch bệnh Covid, có 04 người con còn nhỏ) nên nhận thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm cho bị cáo V hưởng án treo là thể hiện sự khoan hồng của pháp luật và cũng đảm bảo răn đe với bị cáo.

Các bị cáo không tranh luận, trong lời nói sau cùng, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội mong Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo, cho các bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo Cao Thị L, Cao Thị L và Trương Minh Kh được thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có căn cứ xác định như sau:

Vào lúc 08 giờ 30 phút ngày 06/9/2020, tại chợ Q thuộc khu phố B, phường Kh, thị xã T, tỉnh Bình Dương, bị cáo Cao Thị L lén lút chiếm đoạt

14.000.000 đồng để trong ví màu đen của bị hại Phan Thị K thì bị hại phát hiện truy hô, anh Nguyễn Văn T và anh Nguyễn Doãn L bắt được bị cáo L giao Công an. Do L đang nuôi con còn nhỏ nên Công an cho tại ngoại.

Khoảng 06 giờ, ngày 25/12/2020, bị cáo Cao Thị L điện thoại rủ bị cáo Cao Thị L và bị cáo Lê Tôn V hẹn 15 giờ đến địa điểm cây xăng số 4 phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương và điện thoại cho bị cáo Trương Minh Kh đến cầu vượt Sóng thần, thành phố D để cùng nhau đi trộm cắp tài sản.

Đến 15 giờ cùng ngày, bị cáo L, L, V, Kh gặp nhau và cùng chở nhau đi đến đường số 6, khu công nghiệp S, thành phố D, tỉnh Bình Dương thấy nhóm công nhân đang mua thực phẩm, bị cáo V, Kh dừng xe lại, bị cáo L và L đi vào nhóm công nhân trên, bị cáo L che chắn tầm nhìn để bị cáo L dùng lưỡi lam rạch túi áo của bị hại Lê Thị D trộm 01 điện thoại hiệu Samsung A10; sau đó bị cáo L giao lưỡi lam cho bị cáo L rạch túi áo của bị hại Đinh Thị Lệ Th trộm 01 điện thoại hiệu Vivo Y30.

Khi cả nhóm di chuyển đến đường số 2, khu công nghiệp S, thành phố D thì Công an nghi ngờ kiểm tra, phát hiện trên xe của V có 02 điện thoại vừa chiếm đoạt. Tại Cơ quan Công an các bị cáo thừa nhận hành vi trộm cắp 02 điện thoại trên.

Tại kết luận định giá tài sản số: 165/BB-ĐG ngày 03/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố D, xác định: 01 điện thoại hiệu Vivo Y30 màu đen có giá 3.100.000 đồng và 01 điện thoại hiệu Samsung A10 màu xanh dương có giá 2.000.000 đồng, tổng giá trị 5.100.000 đồng.

Nhận thấy, ngày 06/9/2020, bị cáo Ly lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của bị hại Kiều, bị cáo Ly đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp 01 ví màu đen (giá 30.000 đồng) bên trong có 14.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo Ly đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”.

Ngày 25/12/2020, bị cáo L chủ mưu, rủ rê bị cáo L, V và Kh tham gia trộm cắp tài sản. Bị cáo L trực tiếp chiếm đoạt 01 điện thoại hiệu Samsung A10 của bị hại D có giá 2.000.000 đồng và bị cáo L trực tiếp chiếm đoạt 01 điện thoại hiệu Vivo Y30 của bị hại Th có giá 3.100.000 đồng; riêng bị cáo V và Kh không trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp nhưng có hành vi chở các bị cáo L và L đi trộm cắp nên là đồng phạm giúp sức tích cực.

Hành vi của các bị cáo L, L, V và Kh nêu trên là tội phạm. Tội phạm các bị cáo thực hiện gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố D xét xử các bị cáo tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt (xin hưởng án treo), Hội đồng xét xử xét thấy:

Bị cáo Cao Thị L có nhân thân xấu, năm 2006 đã bị Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng không tu chí bản thân. Trong vụ án này bị cáo thực hiện 03 lần trộm cắp tài sản, lần thứ nhất, bị cáo thực hiện riêng; lần thứ hai và thứ ba thực hiện với các bị cáo trong vụ án; mỗi lần bị cáo L trộm cắp tài sản đã đủ cấu thành cơ bản tội phạm là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội hai lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố D xét xử bị cáo mức án 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù là phù hợp với tội phạm bị cáo thực hiện nhằm giáo dục bị cáo và răn đe cho xã hội. Kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt (xin hưởng án treo) của bị cáo là không đủ điều kiện theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự được hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018 ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về án treo.

Bị cáo Cao Thị L, mặc dù phạm tội ít nghiêm trọng, nhưng bị cáo là chủ mưu, rủ rê, xúi giục các bị cáo khác tham gia tội phạm, đồng thời là người trực tiếp thực hiện tội phạm. Bị cáo L và bị cáo L mỗi người thực hiện hành vi trộm cắp 01 điện thoại, mỗi điện thoại có giá trị trên 2.000.000 đồng đã đủ cấu thành cơ bản tội phạm, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội hai lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố D xét xử bị cáo mức án 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù là phù hợp với tội phạm bị cáo thực hiện nhằm giáo dục bị cáo và răn đe cho xã hội. Kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt (xin hưởng án treo) của bị cáo là không đủ điều kiện theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự được hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018 ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về án treo.

Bị cáo Trương Minh Kh do bị cáo Cao Thị L rủ rê, tham gia tội phạm với vai trò đồng phạm giúp sức tích cực (chở bị cáo L), mặc dù bị cáo không trực tiếp thực hiện tội phạm nhưng bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội hai lần trở lên” như các bị cáo L, L nên không đủ điều kiện cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự được hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018 ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về án treo. Do đó, kháng cáo của bị cáo Kh không được chấp nhận.

[4] Trong vụ án này, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” và không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội hai lần trở lên” đối với các bị cáo L, Kh, V và cho bị cáo V hưởng án treo là chưa phù hợp. Tuy nhiên, mức án Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đối với bị cáo L, L và Kh là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Đối với bị cáo V có hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn (vợ chết vì dịch bệnh Covid, có 04 người con còn nhỏ) nên mức án cấp sơ thẩm xét xử đối với bị cáo 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo là thể hiện sự khoan hồng của pháp luật và cũng đảm bảo răn đe với bị cáo nên cấp phúc thẩm không xem xét lại.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: do kháng cáo của các bị cáo Ly, Lại và Khan không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị Tòa án không chấp nhận kháng cáo của bị cáo L, L, Kh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Cao Thị L, Cao Thị L và Trương Minh Kh. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 332/2021/HS-ST ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương về hình phạt đối với các bị cáo Cao Thị L, bị cáo Cao Thị L và Trương Minh Kh như sau:

Tuyên bố các bị cáo Cao Thị L, Cao Thị L và Trương Minh Kh phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1.1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 58 Bộ luật Hình sự; điểm c khoản 2 Điều 290 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Xử phạt bị cáo Cao Thị L 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ ngày 06/9/2020 và từ ngày 25/12/2020 đến ngày 03/01/2021.

1.2. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự; điểm c khoản 2 Điều 290 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Xử phạt bị cáo Cao Thị L 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 25/12/2020 đến ngày 03/01/2021.

1.3. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự; điểm c khoản 2 Điều 290 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Xử phạt bị cáo Trương Minh Kh 10 (mười) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 25/12/2020 đến ngày 03/01/2021.

2. Án phí hình sự phúc thẩm:

Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Các bị cáo Cao Thị L, Cao Thị L và Trương Minh Kh mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

3. Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Tòa án nhân dân thành phố D (2);
- Viện kiểm sát nhân thành phố D;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D;
- Phòng PV06 Công an tỉnh Bình Dương;
- Công an thành phố D;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi các bị cáo cư trú (3);
- Bị cáo (3);
- Tổ Hành chính Tư pháp (2);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, LTH, 17.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Tài